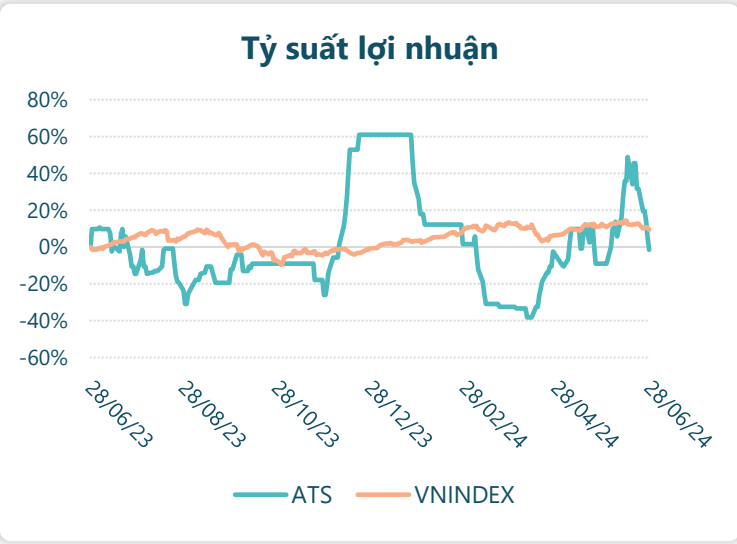


Ngày	12,100 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.6%	45.8%	-38.9%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	7,600 - 19,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	42
Số lượng CPLH (CP)	3,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,490
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.46)
EPS	52
P/E	231.9



Doanh thu thuần
Q2/24

12.2

tỷ VNĐ

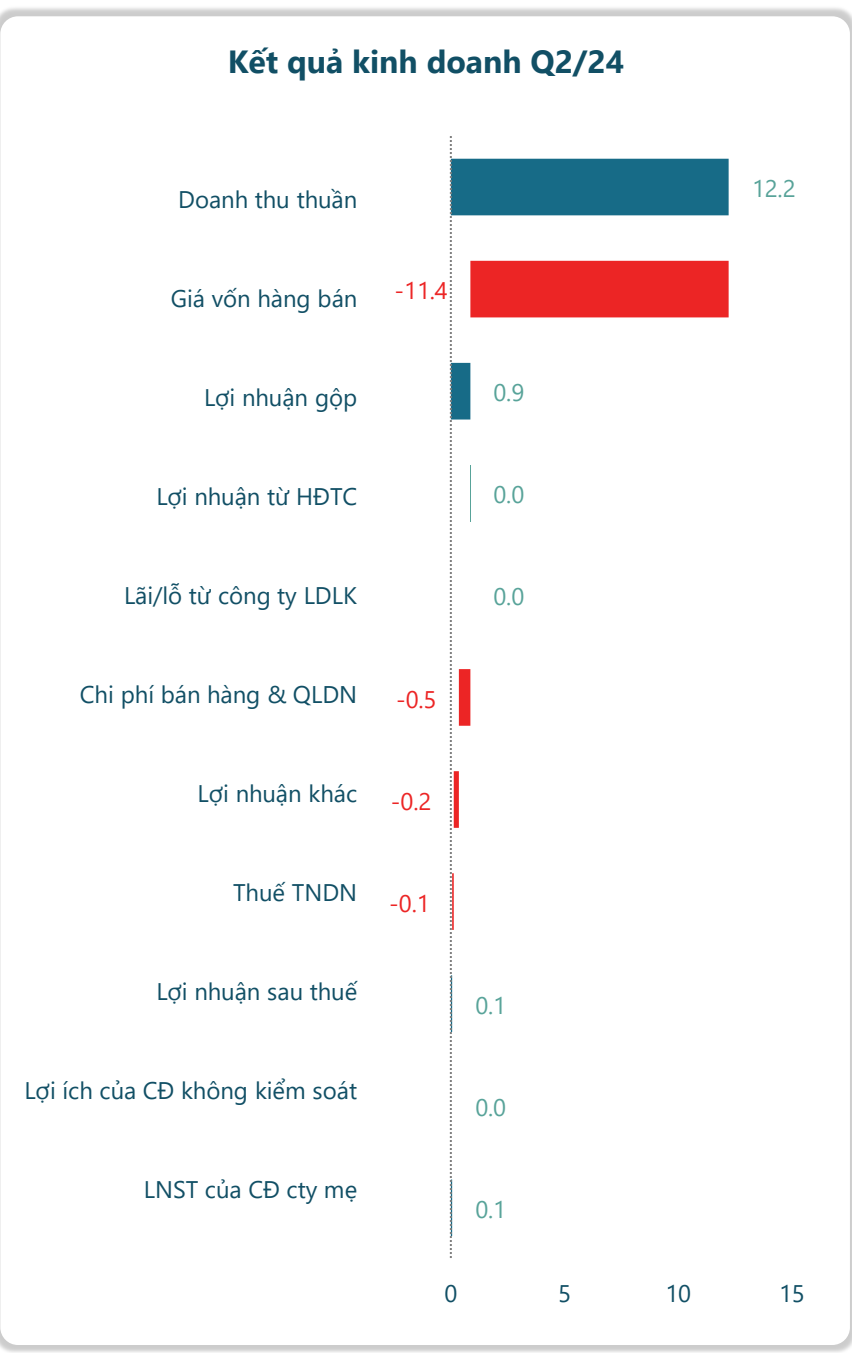
QoQ: ▲ 1.30 | 12.2%

YoY: ▲ 0.90 | 8.2%

Nợ/VCSH
Q2/24

17.4%

YoY: +/-▲ 3.3%



LN gộp
Q2/24

0.86

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.14 | 19.0%

YoY: ▲ 0.35 | 68.0%

ROE (TTM)
Q2/24

0.4%

YoY: +/-▼ 0.0%

LN trước thuế
Q2/24

0.13

tỷ VNĐ

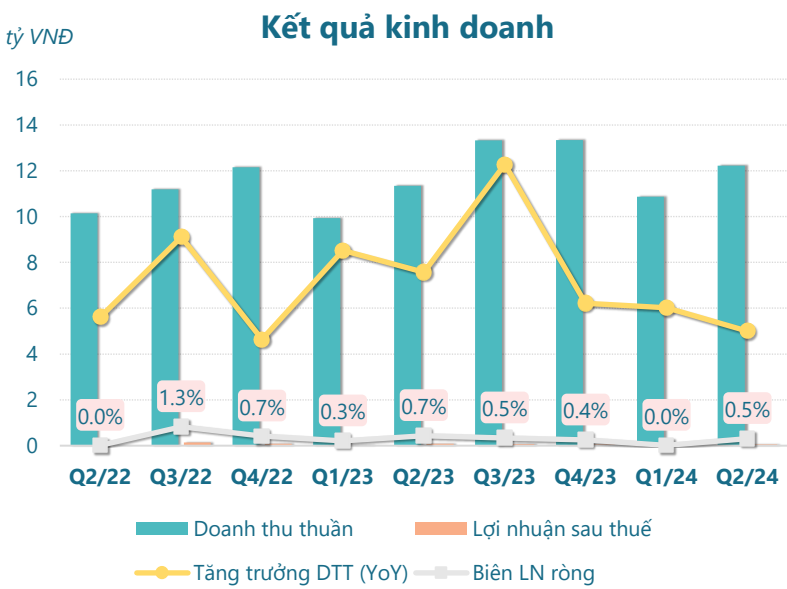
QoQ: ▲ 0.08 | 161%

YoY: ▲ 0.03 | 30.3%

ROA (TTM)
Q2/24

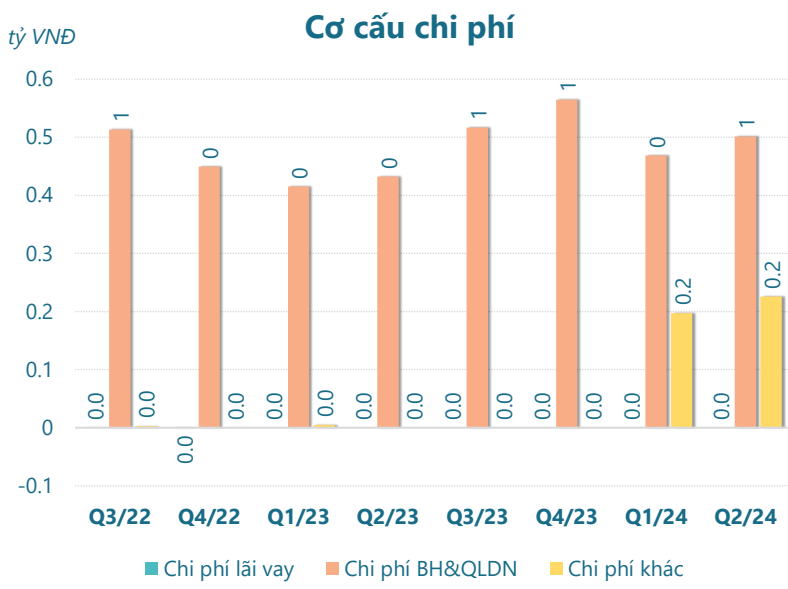
0.4%

YoY: +/-▼ 0.0%



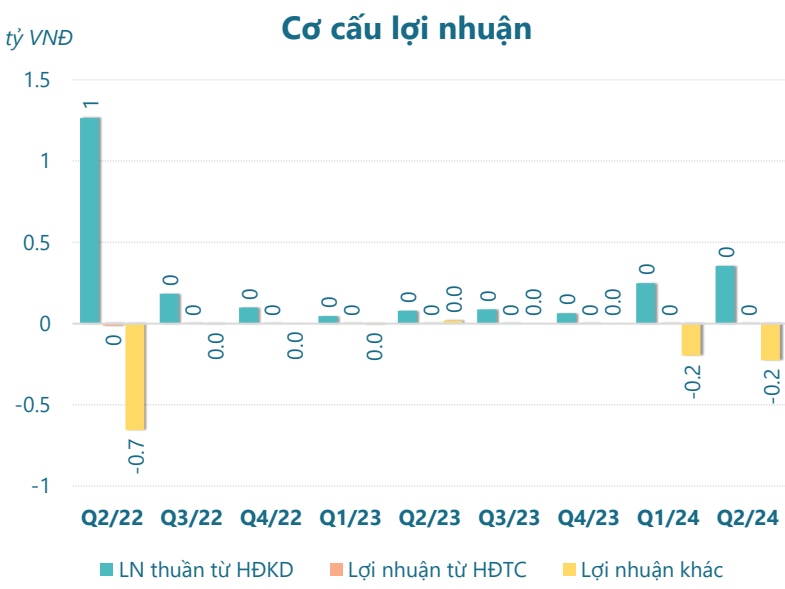
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.36 tỷ đồng**, tăng thêm 44.0% so với kỳ trước và cao hơn 350% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **bằng 0** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.23 tỷ đồng** giảm đi 0.03 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 1250% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **ATS** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **12.23 tỷ đồng** tăng thêm **7.85%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.06 tỷ đồng, giảm sút 25.0%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **23.00 tỷ đồng** cao hơn 9.52% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế bằng 0 bằng so với cùng kỳ năm trước.



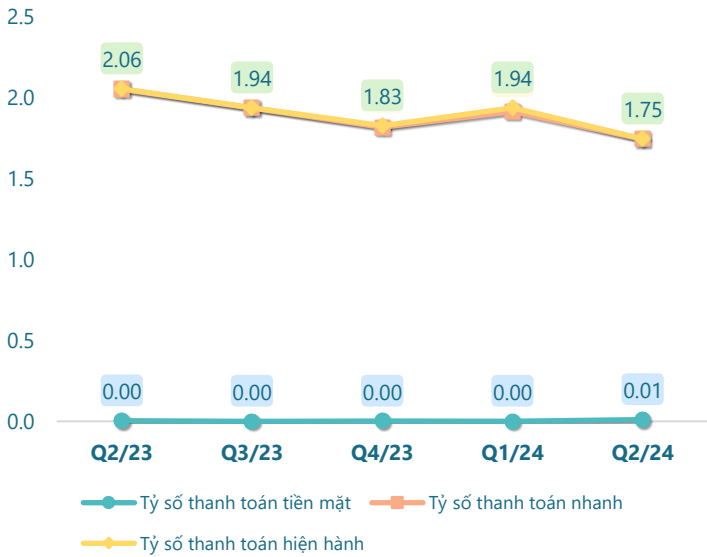
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **0.50 tỷ đồng** tăng thêm 6.38% so với kỳ trước và cao hơn 16.3% so với cùng kỳ năm trước.

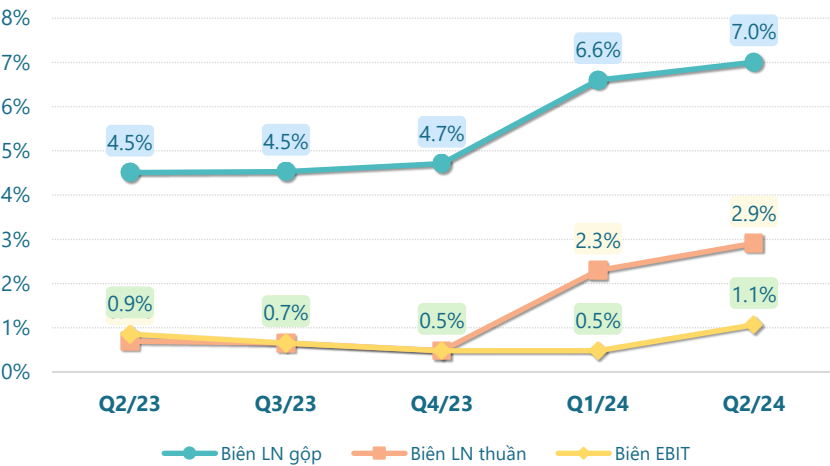
Chi phí khác bằng **0.23 tỷ đồng** tăng thêm 15.0% so với kỳ trước và tăng thêm 0.23 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	12.2	10.9	12.2%	11.3	8.2%	23.1	21.3	8.6%
Giá vốn hàng bán	11.4	10.2	11.5%	10.8	5.3%	21.5	20.3	6.0%
Lợi nhuận gộp	0.86	0.72	19.0%	0.51	68.0%	1.57	0.97	61.9%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00		0.00	0.00	-72.0%
Chi phí TC	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.85	-100%	0	0.85	-100%
Chi phí QLDN	0.50	0.47	6.6%	-0.42	219%	0.97	0	
LN thuần từ HĐKD	0.36	0.25	42.4%	0.08	345%	0.61	0.13	383%
Lợi nhuận khác	-0.23	-0.20	-12.8%	0.02	-1228%	-0.42	0.01	-3368%
LN trước thuế	0.13	0.05	161%	0.10	30.3%	0.18	0.14	32.0%
Lợi nhuận sau thuế	0.06	0.00		0.08	-26.1%	0.06	0.11	-44.0%
LNST của CĐ cty mẹ	0.06	0.00		0.08	-26.1%	0.06	0.11	-44.0%

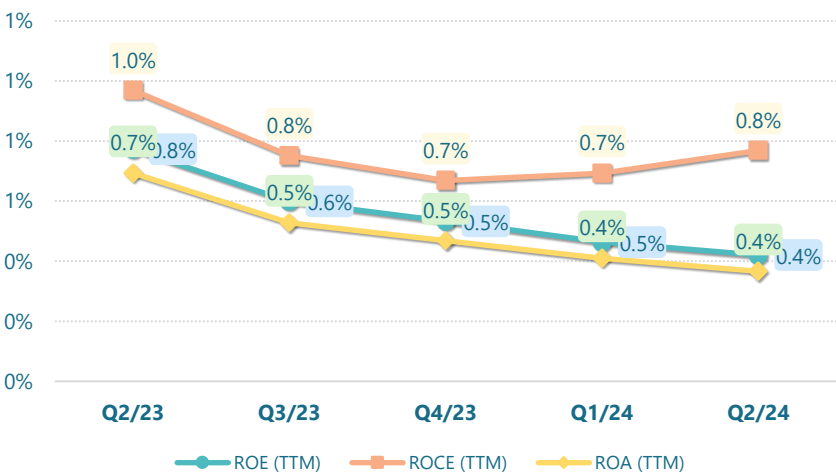
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

